

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 1026/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Định, ngày 30 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp
cho lao động tỉnh Bình Định, giai đoạn 2018 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Giáo dục Nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục Nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 54/2009/QĐ-TTg ngày 14/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bình Định đến năm 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 10-CTr/TU ngày 20/10/2016 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 10-CT/TU ngày 11/4/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Khóa XIX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 31/2017/QĐ-UBND ngày 14/7/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tỉnh Bình Định đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 531/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển nhân lực tỉnh Bình Định giai đoạn 2011-2020;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 54/TTr-SLĐTBXH ngày 21/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp cho lao động tỉnh Bình Định, giai đoạn 2018 - 2020.

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện cho UBND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. / *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP Nguyễn Đức Thi;
- Lưu: VT, K20. *n*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

KẾ HOẠCH

Đào tạo nghề nghiệp cho lao động tỉnh Bình Định, giai đoạn 2018 - 2020
(Ban hành theo Quyết định số ~~1026~~ /QĐ-UBND ngày 30 / 3 /2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề nghiệp cho lao động của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn. Tạo điều kiện thuận lợi để lao động tham gia các chương trình đào tạo phù hợp với trình độ học vấn, điều kiện kinh tế đáp ứng yêu cầu hội nhập và từng bước tiếp cận trình độ tiên tiến của khu vực và thế giới.

b) Tăng cường đào tạo nghề nghiệp cho lao động gắn với giải quyết việc làm sau đào tạo nhằm tăng thu nhập, giảm nghèo bền vững; chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng tỷ trọng lao động trong lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ góp phần xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện đào tạo theo nhu cầu học nghề của lao động, nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp và yêu cầu của thị trường lao động. Đào tạo nghề nghiệp cho lao động theo các mô hình đã thí điểm có hiệu quả; đào tạo tại doanh nghiệp, làng nghề, vùng chuyên canh, thôn, bản, xã; gắn đào tạo nghề nghiệp với chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

b) Phát huy tối đa năng lực đội ngũ nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo nghề nghiệp ở các cấp trình độ từng bước tiến tới đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

II. NỘI DUNG

1. Quan điểm

a) Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân là bộ phận quan trọng góp phần phát triển nguồn nhân lực, góp phần bảo đảm phát triển kinh tế - xã hội nhanh, hiệu quả và bền vững. Đầu tư cho GDNN là đầu tư phát triển.

b) Mạng lưới cơ sở GDNN theo quy hoạch, đa dạng các hình thức đào tạo, tạo điều kiện cho người lao động nhất là thanh niên, phụ nữ, nông dân, công nhân, người dân tộc thiểu số tham gia học nghề. Phát triển cơ sở GDNN chất lượng cao tại một số trường cao đẳng, trường trung cấp tiếp cận trình độ tiên tiến trong khu vực

và trên thế giới, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và xã hội cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, trong đó tập trung đào tạo các ngành nghề trọng điểm đạt trình độ của các nước khu vực ASEAN và thế giới, tạo sự đột phá về chất lượng nghề nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững, đảm bảo an sinh xã hội, nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề nghiệp lên 56% vào năm 2020, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Thực hiện liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân; gắn kết giữa đào tạo nghề nghiệp với các doanh nghiệp; đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm.

d) Đẩy mạnh xã hội hóa GDNN, khuyến khích mọi tổ chức cá nhân trong và ngoài nước đầu tư cho GDNN.

2. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nghiệp cho lao động, góp phần đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2018 - 2020. Gắn mục tiêu đào tạo nghề nghiệp với giải quyết việc làm theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2020.

b) Mục tiêu cụ thể

- Đào tạo mới cho khoảng 101.682 người, trong đó: đào tạo trình độ cao đẳng 8.574 người, chiếm 8,43%; đào tạo trình độ trung cấp 6.118 người, chiếm 6,02%; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên 86.990 người, chiếm 85,55% (khoảng 70% là lao động nông thôn); tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nghề đạt 56%.

- Có 80% đến 85% học viên, sinh viên tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên có việc làm và tự tạo việc làm.

- Quy mô tuyển sinh các cấp trình độ đào tạo (*Như Phụ lục kèm theo*).

- Các ngành, nghề đào tạo:

+ Cấp độ Quốc tế: Cơ điện tử, Công nghệ sinh học, Vận hành thi công nền, Công nghệ ô tô, Điện công nghiệp, Điện tử công nghiệp.

+ Cấp độ Khu vực: Cắt gọt kim loại, Hàn.

+ Cấp độ Quốc gia: Công nghệ thông tin (ứng dụng phần mềm), Lâm sinh, Khảo sát địa hình, Điện dân dụng, Chế biến và bảo quản thủy sản, Cấp thoát nước, Gia công và thiết kế sản phẩm mộc, Sản xuất hàng mây tre đan, Sửa chữa và lắp ráp máy tính, Công nghệ cắt may, Kỹ thuật chế biến món ăn, Nuôi và phòng trị bệnh cho gia súc - gia cầm, Kế toán - tài chính, Công tác xã hội, và một số nghề khác ...

3. Nhiệm vụ và giải pháp

a) Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và xã hội về giáo dục nghề nghiệp:

- Tuyên truyền, phổ biến Luật Giáo dục nghề nghiệp và các văn bản liên quan đến lĩnh vực GDNN nhằm nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội để tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức về tầm quan trọng của GDNN về việc học nghề để lập thân, lập nghiệp góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

- Tăng cường và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn nghề nghiệp, đào tạo nghề nghiệp và việc làm sau đào tạo. Rà soát, cập nhật, bổ sung nhu cầu đào tạo nghề nghiệp đáp ứng theo nhu cầu của xã hội, xây dựng mô hình đào tạo nghề cho lao động theo từng ngành, từng lĩnh vực thiết thực và hiệu quả.

- Thực hiện tốt việc phân luồng học sinh sau tốt nghiệp trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học tại các trung tâm GDNN - Giáo dục thường xuyên các huyện, thị xã, thành phố; các trường trung cấp và cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị các cấp, các ngành trong lĩnh vực GDNN, trước hết các cấp uỷ Đảng và chính quyền các cấp cần chỉ đạo xây dựng kế hoạch trung hạn, ngắn hạn về GDNN của tỉnh phù hợp với nhu cầu nhân lực của địa phương. Có quy định cụ thể trách nhiệm từng cấp, từng ngành. Có kế hoạch kiểm tra, giám sát cụ thể và xác định đây là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của cấp mình, đơn vị mình.

b) Quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp:

- Thực hiện tốt các quy định về đăng ký hoạt động GDNN; kiểm định chất lượng cơ sở GDNN và kiểm định chương trình đào tạo nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

- Xây dựng cơ chế thực hiện sản xuất độc lập về mô hình nhà xưởng gắn với cơ sở GDNN.

- Tiếp tục triển khai việc thực hiện cơ chế về tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính đối với các cơ sở GDNN công lập.

- Đổi mới phương pháp quản lý hoạt động GDNN nhất là công tác tuyển sinh, tăng quy mô tuyển sinh ở trình độ trung cấp, cao đẳng. Đẩy mạnh liên thông, liên kết đào tạo và đào tạo theo nhu cầu, địa chỉ sử dụng của doanh nghiệp.

- Triển khai thực hiện hệ thống chính sách đối với người học nghề và các cơ sở GDNN ở 03 cấp trình độ: cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và cơ chế khuyến khích, thúc đẩy đào tạo phát triển nguồn nhân lực của tỉnh.

- Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các quy định về pháp luật GDNN; xử lý vi phạm đối với các trường, trung tâm theo quy định của pháp luật.

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp của tỉnh để đào tạo nghề nghiệp cho lao động gắn với giải quyết việc làm.

c) Các điều kiện đảm bảo chất lượng:

- Tăng cường chất lượng đội ngũ nhà giáo GDNN và cán bộ quản lý cho các trường và các trung tâm GDNN bằng cách tự đào tạo mới, đào tạo lại và bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng kỹ năng nghề phù hợp với yêu cầu thực tế. Thực hiện chính sách ưu đãi, phụ cấp đặc thù đối với nhà giáo. Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên dạy các nghề trọng điểm cấp độ khu vực và quốc tế về kỹ năng nghề

và năng lực sư phạm của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và các nước phát triển trên thế giới.

- Các cơ sở GDNN tự thực hiện xây dựng chương trình đào tạo dựa trên khung chuẩn đầu ra đã được ban hành cho các nghề đào tạo, kể cả các ngành được quy hoạch trọng điểm. Đối với các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và sử dụng chương trình, giáo trình đào tạo nghề của các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và quốc tế phù hợp với thị trường lao động Việt Nam.

- Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất và thiết bị đào tạo; các nghề trọng điểm quốc gia, các nghề cấp độ khu vực và quốc tế, tiếp nhận và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị đào tạo trọng điểm quốc gia và các nước tiên tiến trong khu vực ASEAN và quốc tế; các cơ sở GDNN tăng cường đầu tư thiết bị đồng bộ và đạt chuẩn cho từng ngành, nghề, đặc biệt đối với các nghề trọng điểm cấp quốc gia, khu vực, quốc tế; các nghề không thuộc danh mục các nghề trọng điểm, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở vật chất, danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu theo quy định của Nhà nước.

d) Đẩy mạnh phát triển xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp:

- Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực đầu tư trong và ngoài nước để phát triển GDNN; thực hiện việc hợp tác, liên kết cho thuê, sử dụng có thời hạn cơ sở hạ tầng hiện có của các cơ sở GDNN công lập; đồng thời khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước đầu tư phát triển cơ sở GDNN tư thục và cơ sở GDNN có vốn đầu tư nước ngoài để nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Triển khai thực hiện việc đào tạo nghề theo nhu cầu xã hội và từng bước chuyển từ cơ chế cấp kinh phí chi thường xuyên hàng năm theo dự toán cho các cơ sở GDNN công lập sang cơ chế Nhà nước đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ với các cơ sở GDNN trên cơ sở hệ thống định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng đầu ra không phân biệt hình thức sở hữu.

- Thực hiện cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các cơ sở GDNN cung ứng một số nghề trọng điểm, nghề đáp ứng nhu cầu cho các ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, nghề nặng nhọc, độc hại, nghề khó tuyển sinh mà xã hội có nhu cầu, nghề mà thị trường lao động thiếu nhân lực, do chi phí đào tạo cao nên các cơ sở GDNN không muốn đào tạo.

đ) Gắn kết giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp về việc làm:

- Phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động để gắn kết việc đào tạo với sử dụng lao động, đảm bảo cho các hoạt động của hệ thống GDNN hướng vào việc đáp ứng quy hoạch phát triển kinh tế- xã hội, nhu cầu của người sử dụng lao động và giải quyết việc làm.

- Khuyến khích các doanh nghiệp thành lập cơ sở GDNN hoặc tổ chức đào tạo nghề nghiệp tại doanh nghiệp đáp ứng nhu cầu cho doanh nghiệp; tăng cường hình thức GDNN theo hợp đồng đặt hàng đào tạo giữa cơ sở GDNN với doanh nghiệp, đảm bảo cho người học nghề sau khi kết thúc khóa học có việc làm.

- Đẩy mạnh việc mời doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo và chấm thi tốt nghiệp đánh giá năng lực về kiến thức, kỹ năng, thái độ của học sinh, sinh viên khi tốt nghiệp.

e) Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp:

Tăng cường hợp tác quốc tế, kêu gọi vốn đầu tư nước ngoài nhằm xây dựng một số trường chất lượng cao; liên kết đào tạo nghề nghiệp với các trường có đẳng cấp quốc tế; tăng cường đưa giáo viên (chủ yếu đối với những nghề trọng điểm cấp quốc tế, cấp khu vực ASEAN) và cán bộ quản lý GDNN đi đào tạo tiếng Anh, kỹ năng nghề, học tập kinh nghiệm quản lý đào tạo nghề nghiệp ở nước ngoài; hợp tác với các nước có trình độ đào tạo tiên tiến trong khu vực và quốc tế để phát triển các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đào tạo đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí ngân sách Trung ương.
- Nguồn kinh phí ngân sách địa phương.
- Nguồn kinh phí các Chương trình mục tiêu Quốc gia.
- Nguồn kinh phí tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh

a) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các ngành, các địa phương và các tổ chức, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nội dung của Kế hoạch; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tham mưu phân bổ các nguồn lực thực hiện Kế hoạch.

- Đề xuất, tham mưu cho tỉnh các cơ chế, chính sách mới về GDNN. Cung cấp thông tin thị trường, tư vấn giải quyết việc làm cho lao động sau khi đào tạo. Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra hoạt động GDNN trên địa bàn và việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch đào tạo được giao.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, sở, ban, ngành liên quan tổng hợp tình hình thực hiện 06 tháng, hằng năm, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện Kế hoạch, báo cáo UBND tỉnh.

b) Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí kinh phí bảo đảm thực hiện Kế hoạch và các dự án có hiệu quả. Giám sát và quyết toán các nguồn ngân sách cho đào tạo nghề nghiệp.

c) Các cơ quan, ban, ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu phát triển của đơn vị, xây dựng kế hoạch tổng thể giai đoạn và hàng năm về nhu cầu sử dụng lao động, nhu cầu đào tạo nghề, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, trình UBND tỉnh phê duyệt và triển khai tổ chức thực hiện.

d) Các cơ quan, báo đài và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến đông đảo quần chúng nhân dân về Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp cho lao động tỉnh đến năm 2020.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp cho lao động giai đoạn 2018 – 2020 của tỉnh, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề nghiệp của các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương và mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này. Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về GDNN nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của cơ sở GDNN trực thuộc trên địa bàn.

- Chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến quần chúng nhân dân về chế độ, chính sách liên quan đến đào tạo nghề nghiệp. Lập sổ cung, cầu lao động, nắm chắc nhu cầu học nghề của lao động. Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác đào tạo nghề nghiệp.

3. Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, các doanh nghiệp

- Tiếp tục nâng cao năng lực, chất lượng GDNN nhằm hướng đến đào tạo nguồn lao động có chất lượng, đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động.

- Doanh nghiệp với vai trò là chủ sử dụng lao động, căn cứ kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh, dự báo nhu cầu sử dụng lao động của đơn vị; trên cơ sở đó phối hợp với các cơ quan quản lý và các cơ sở GDNN đào tạo lực lượng lao động có tay nghề phù hợp với yêu cầu, đồng thời chủ động giải quyết, bố trí việc làm cho người lao động sau đào tạo.

Trên đây là Kế hoạch đào tạo nghề nghiệp cho lao động tỉnh Bình Định, giai đoạn 2018 - 2020. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh bằng văn bản cho Sở Lao động - thương binh và Xã hội để hướng dẫn thực hiện hoặc báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét chỉ đạo. /



Nguyễn Tuấn Thanh



Phụ lục

**QUY MÔ TUYỂN SINH CÁC CẤP TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO NGHỀ
CHO LÃO ĐỘNG TỈNH BÌNH ĐỊNH, GIAI ĐOẠN 2018-2020**

(Kèm theo Quyết định số 1026/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Người

TT	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp/Trình độ đào tạo	Giai đoạn 2018 - 2020	Năm		
			2018	2019	2020
	Tổng cộng	101.682	32.870	33.880	34.932
I	Trường Cao đẳng	19.012	6.120	6.310	6.582
1	Trình độ Cao đẳng	8.574	2.790	2.850	2.934
2	Trình độ Trung cấp	4.168	1.340	1.380	1.448
3	Trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	6.270	1.990	2.080	2.200
II	Trường Trung cấp	5.000	1.630	1.660	1.710
1	Trình độ Trung cấp	1.950	640	650	660
2	Trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	3.050	990	1.010	1.050
III	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp	77.670	25.120	25.910	26.640
1	Trình độ Sơ cấp và đào tạo thường xuyên	77.670	25.120	25.910	26.640